TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Bà Đoàn Thị Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04 tháng 02 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh Phạm Văn L có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q nay là phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vào ngày 23/10/2001. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L rượu chè, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Văn L

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thành L, sinh ngày 21/7/2002, Phạm Gia H, sinh ngày 27/01/2010 và Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 22/9/2020. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi 02 con là Phạm Gia H và Phạm Thị Thủy T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Riêng con Phạm Thành L đã trưởng thành muốn ở với ai là quyền của con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh L nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường Q cho thấy: UBND phường Q đã tống đạt đầy đủ các văn bản, giấy tờ của Tòa án cho anh L, tuy nhiên anh L không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để làm việc.

Ngày 17/7/2023, Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị T, anh L đến phiên toà vào ngày 10/8/2023, nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 25/8/2023, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn vắng mặt.

Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được cán bộ của Ủy ban đến trực tiếp tại nhà anh L để tống đạt các văn bản trên nhưng tại thời điểm tống đạt anh L đi làm, không có ở nhà nên đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt anh L nhưng anh L đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh L;

+ Về con chung: Giao hai con chung Phạm Gia H, sinh ngày 27/01/2010 và Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 22/9/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị T không yêu cầu;

+ Về tài sản chung: Không xem xét

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, chị Trang phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn L. Hiện tại anh L đang có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn L. Anh L đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh L thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh L

Đối với anh Phạm Văn L, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc chị T làm đơn xin ly hôn và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và nói lên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân của mình

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L bắt nguồn từ việc không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã xảy ra mâu thuẫn; tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị T

và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L có 03 con chung như chị T đã trình bày. Hiện tại con Phạm Thành L, sinh ngày 21/7/2002 đã trưởng thành, còn hai con Phạm Gia H, sinh ngày 27/01/2010 và Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 22/9/2020 đang ở với chị. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi con 02 con là Phạm Gia H và Phạm Thị Thủy T. Xét thấy hiện tại cháu Gia H còn đi học, cháu Thủy T đang còn nhỏ nên hai cháu đều cần sự quan tâm, chăm sóc cửa mẹ. Mặt khác, hiện tại hai cháu đang ở với chị T, cháu Gia H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con của chị T là hoàn toàn chính đáng nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là Phạm Gia H và Phạm Thị Thủy T cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn L

3. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 27/01/2010 và Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 22/9/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003565 ngày 21 tháng 3 năm 2023. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án